



TRUNG TÂM THÔNG TIN TÍN DỤNG QUỐC GIA VIỆT NAM - NHNN VIỆT NAM

Địa chỉ: Số 10 Quang Trung, Hà Đông, Thành phố Hà Nội

Điện thoại: 1800.585891

Email: htkh@creditinfo.org.vn

Fax: (024)33527801

Web: <http://www.cic.org.vn>

BÁO CÁO CHI TIẾT QUAN HỆ TÍN DỤNG

(Khách hàng Thẻ nhân)

Đơn vị tra cứu: Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX
Địa chỉ: Tầng KT tòa nhà văn phòng Thăng Long - Thăng Long Tower, số 98A Ngụ
Như Kon Tum, P. Nhân Chính, Q. Thanh Xuân, TP Hà Nội, Việt Nam
Người tra cứu: h01805001luong **Điện thoại:**
Mã số phiếu: 20250819.038088008930.1755568516420
Thời gian yêu cầu: 19-08-2025 08:55:16 **Thời gian gửi báo cáo:** 19-08-2025 09:05:16

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ KHÁCH HÀNG

Tên khách hàng:	LÊ BÁ THUẬN
Mã số CIC:	3832572991
Địa chỉ:	THON BA SI~~Xa Kien Tho~~Huyen Ngoc Lac~~Thanh Hoa
Số CCCD/CMND:	038088008930
Giấy tờ cá nhân khác:	173186410

II. THÔNG TIN ĐIỂM TÍN DỤNG

Điểm tín dụng 458 Hạng 8 Ngày chấm điểm 2025-07-29	ĐÁNH GIÁ ĐIỂM TÍN DỤNG Điểm tín dụng của khách hàng cao hơn điểm tín dụng của 7% tổng số khách hàng cá nhân được chấm điểm tại kho dữ liệu CIC
---	--

Lưu ý: Điểm tín dụng của khách hàng vay được CIC đánh giá trên toàn bộ dữ liệu quan hệ tín dụng của khách hàng vay (không áp dụng chính sách ân nợ xấu nhỏ đã tắt toán) tại thời điểm cuối tháng gần nhất so với thời điểm chấm. Điểm tín dụng được CIC chấm cập nhật định kỳ hàng tháng theo biến động thông tin tín dụng của khách hàng vay

II. THÔNG TIN ĐIỂM TÍN DỤNG

A. THÔNG TIN DƯ NỢ HIỆN TẠI

3.1. Chi tiết về nợ vay

Đơn vị tính: triệu đồng, USD

Loại dư nợ	VND	USD
1. 01833001 - Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei		
Ngày báo cáo gần nhất: 31-07-2025		
23	15.0	
- --	15.0	0.0
tổng cộng	15.0	0.0
2. 79309001 - Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh		
Ngày báo cáo gần nhất: 31-07-2025		
23	67.0	
- --	67.0	0.0
tổng cộng	67.0	0.0
Tổng cộng	82.0	0.0

3.2. Thông tin Thẻ tín dụng và dư nợ thẻ tín dụng

Khách hàng không có thông tin Thẻ tín dụng và dư nợ thẻ tín dụng
--

3.3. Dư nợ đã bán cho Công ty quản lý tài sản của các TCTD Việt Nam (VAMC)

Đơn vị tính: triệu đồng (*)

STT	Tên TCTD	Mã TCTD	Dư nợ gốc còn lại	Ngày
Hiện tại, khách hàng không có dư nợ đã bán cho VAMC.				

B. THÔNG TIN LỊCH SỬ QUAN HỆ TÍN DỤNG

3.4. Diễn biến dư nợ 12 tháng gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng (*)

Thời gian	Dư nợ vay	Dư nợ thẻ	Tổng dư nợ
07-2025	82	0	82
06-2025	82	0	82
05-2025	82	0	82
04-2025	82	0	82
03-2025	82	0	82
02-2025	82	23	105
01-2025	83	21	104
12-2024	83	19	102
11-2024	82	17	99
10-2024	82	15	97
09-2024	67	14	81
08-2024	67	12	79

Ghi chú: (*):Dư nợ bao gồm cả dư nợ ngoại tệ đã quy đổi theo tỉ giá tại thời điểm phát sinh
(-):Thiếu kỳ báo cáo số liệu

3.5. Lịch sử nợ xấu tín dụng trong 05 năm gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng (*)

STT	Tên tổ chức/ chi nhánh tổ chức tín dụng	Ngày phát sinh cuối cùng	Nhóm nợ	Số tiền	
1	Công ty Tài chính TNHH Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng SMBC			VNĐ	USD
		2021-04-08	03	55.0	0.0
		2021-08-31		7.0	0.0
2	Công ty Tài chính tín dụng tiêu dùng TNHH MB Shinsei			VNĐ	USD
		2025-07-31		15.0	0.0
3	Công ty Tài chính tổng hợp cổ phần Tín Việt			VNĐ	USD
		2022-11-30		26.0	0.0
4	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam - Chi nhánh huyện Ngọc Lặc			VNĐ	USD
		2024-04-15	03	17.0	0.0
		2022-01-26	04	56.0	0.0
5	Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng - Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh			VNĐ	USD
		2021-05-26	04	48.0	0.0
		2025-07-31		67.0	0.0

Ghi chú: (*):Dư nợ bao gồm cả dư nợ ngoại tệ đã quy đổi theo tỉ giá tại thời điểm phát sinh
(-):Thiếu kỳ báo cáo số liệu

3.6. Lịch sử chậm thanh toán thẻ tín dụng trong 03 năm gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng (*)

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1	Khách hàng có chậm thanh toán thẻ	1
2	Số ngày chậm thanh toán thẻ lớn nhất	506
3	Số lần chậm thanh toán thẻ	3

Ghi chú: (*):Dư nợ bao gồm cả dư nợ ngoại tệ đã quy đổi theo tỉ giá tại thời điểm phát sinh
(-):Thiếu kỳ báo cáo số liệu

3.7. Nợ cần chú ý trong vòng 12 tháng gần nhất

Đơn vị tính: triệu đồng (*)

STT	Tên TCTD	Mã TCTD	Ngày phát sinh	Kỳ hạn	Tổng dư nợ
Hiện tại, khách hàng không có nợ cần chú ý trong vòng 12 tháng gần nhất.					

Ghi chú: (*):Dư nợ bao gồm cả dư nợ ngoại tệ đã quy đổi theo tỉ giá tại thời điểm phát sinh
(-):Thiếu kỳ báo cáo số liệu

IV. MỘT SỐ THÔNG TIN TỔNG HỢP KHÁC

4.1. Thông tin về bảo đảm tiền vay

STT	Chỉ tiêu	Giá trị
1		Chưa thu thập được thông tin

4.2. Thông tin về hợp đồng tín dụng

STT	Hợp đồng tín dụng	Tên TCTD	Ngày ký hợp đồng	Ngày kết thúc hợp đồng
Hiện tại, khách hàng không có nợ cần chú ý trong vòng 12 tháng gần nhất.				

4.3. Danh sách TCTD tra cứu thông tin về khách hàng (trong 1 năm gần nhất)

STT	Tên tổ chức/ chi nhánh tổ chức tín dụng	Mã TCTD	Sản phẩm tra cứu	Ngày tra cứu
1	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	79314013	Thẻ TD	30-12-2024
2	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	79314013	QHTD	30-12-2024
3	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	79314013	QHTD	15-02-2025
4	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	79314013	Thẻ TD	15-02-2025
5	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam	01204001	QHTD	11-07-2025
6	Công ty Tài chính TNHH MTV TNEX	01805001	QHTD	19-08-2025

V. THÔNG TIN KHÁC VỀ KHÁCH HÀNG VAY